**QŨY ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU DC (trước đây là QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU VIỆT NAM)**

**MẪU VÀ GIẢI THÍCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Phần I: Mẫu báo cáo của Công ty quản lý quỹ**

**BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ**

**QUÝ II.2022**

**I. Thông tin chung về Quỹ**

**1. Mục tiêu của Quỹ:**

Phù hợp với Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ do UBCKNN cấp, Điều lệ và Bản cáo bạch của Quỹ;

**2. Hiệu quả hoạt động của Quỹ:**

Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022, thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ là **-4.13 (%)** so với giá trị tài sản ròng của quỹ đầu kỳ báo cáo (tại ngày 31 tháng 03 năm 2022); thay đổi giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị chứng chỉ Quỹ so với giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị chứng chỉ Quỹ tại ngày 31 tháng 03 năm 2021 là **2.01(%)**, Quỹ không có danh mục cơ cấu và chỉ số tham chiếu

**3. Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ:**

Chiến lược đầu tư cho quỹ DCBF (tiền thân là Quỹ VFMVFB) là năng động dựa trên cơ sở phân tích cơ bản kinh tế vĩ mô, áp dụng các mô hình kỹ thuật, thống kê hoặc phân tích cơ bản về doanh nghiệp để đưa ra các quyết định đầu tư sao cho đem lại lợi nhuận tối đa cho danh mục. Riêng đối với trái phiếu doanh nghiệp cần được phân tích ít nhất bằng một mô hình định mức tín nhiệm do đối tác hỗ trợ kỹ thuật và Công ty CP Quản lý quỹ đầu tư Dragon capital Việt Nam phát triển.

**4. Phân loại Quỹ:** Quỹ công chúng dạng mở

**5. Thời gian khuyến cáo đầu tư của Quỹ:** Không có

**6. Mức độ rủi ro ngắn hạn (thấp, trung bình, cao):**Thấp

**7. Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ:** Ngày 10/06/2013

**8. Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo** (Tại ngày 30/06/2022):

**.** Tổng giá trị tài sản ròng: 814,536,621,585 Việt Nam đồng

**.** Số lượng chứng chỉ quỹ: **35,259,224.52** chứng chỉ quỹ

**9. Chỉ số tham chiếu của Quỹ:** Không có chỉ số tham chiếu

**10. Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ: Quỹ không phân phối lợi nhuận**

**11. Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị Chứng chỉ Quỹ**: (ở thời điểm báo cáo (N)): không có

**II. Số liệu hoạt động**

1. **Cơ cấu tài sản quỹ (N: Đến thời điểm báo cáo):**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Cơ cấu tài sản quỹ** | **30/06/2022**  **(%)** | **30/06/2021**  **(%)** | **30/06/2020**  **(%)** |
| 1.Danh mục trái phiếu | 78.01% | 37.39% | 33.45% |
| 2.Tài sản khác | 21.99% | 62.61% | 66.55% |
| **Cộng** | **100%** | **100%** | **100%** |

**2. Chi tiết chỉ tiêu hoạt động (N: Đến thời điểm báo cáo):**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Chỉ tiêu | **30/06/2022** | **30/06/2021** | **30/06/2020** |
| 2.1.Giá trị tài sản ròng của Quỹ | 814,536,621,585 | 815,644,329,563 | 692,517,768,459 |
| 2.2.Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành | 35,259,224.52 | 37,955,210.73 | 34,489,488.68 |
| 2.3.Giá trị tài sản ròng của một đơn vị Chứng chỉ quỹ (CCQ) | 23,101.37 | 21,489.65 | 19,795.94 |
| 2.4.Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo | 23,101.37 | 21,489.65 | 20,079.10 |
| 2.5.Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo | 22,702.53 | 21,077.76 | 19,803.16 |
| 2.6.Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo | N/A | N/A | N/A |
| 2.7.Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo | N/A | N/A | N/A |
| 2.8.Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo | N/A | N/A | N/A |
| 2.9.Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ | 2.01% | 1.97% | 1.43% |
| 2.9.1.Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá) | -0.06% | -0.13% | -0.22% |
| 2.9.2.Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện) | 2.07% | 2.11% | 1.65% |
| 2.10.Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ | Không có | Không có | Không có |
| 2.11.Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ | Không có | Không có | Không có |
| 2.12.Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution) | Không có | Không có | Không có |
| 2.13.Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%) | 1.45% | 1.33% | 1.19% |
| 2.14.Tốc độ vòng quay danh mục (lần) | 1.16 | 0.55 | 0.93 |

● *Tốc độ vòng quay danh mục: Có thể thuyết minh những nhân tố ảnh hưởng.*

**3.Tăng trưởng qua các thời kỳ:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Giai đoạn** | **Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ (%)** | **Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm**  **(%)** |
| - 1 năm | 7.50% | 7.50% |
| - 3 năm | 24.15% | 7.48% |
| - Từ khi thành lập | 131.01% | 9.97% |
| - Tăng trưởng của chỉ số tham chiếu | Không có chỉ số tham chiếu | Không có chỉ số tham chiếu |

**4. Tăng trưởng hàng năm:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Thời kỳ | **30/06/2022**  **(%)** | **30/06/2021**  **(%)** | **30/06/2020**  **(%)** |
| Tỷ lệ tăng trưởng (%)/01 đơn vị CCQ | 7.50% | 7.02% | 7.91% |

*Ghi chú: Số liệu tăng trưởng cần phải phản ánh theo thời điểm có tính so sánh. Ví dụ tại thời điểm 31/12 thì các số liệu của các năm đưa vào biểu phải đảm bảo có tính so sánh là đều tại 31/12 hàng năm.*

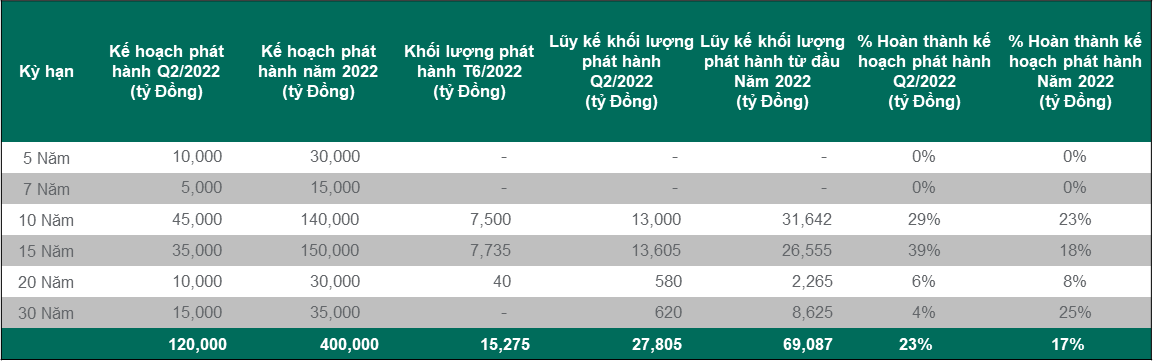
**III. Mô tả thị trường trong kỳ:**

Trong tháng 06/2022 lợi suất trái phiếu Chính Phủ Việt Nam (viết tắt: TPCP hay VGB) tiếp tục đà tăng với mức tăng 0.18% và 0.03% ở kỳ hạn 3 và 5 năm lên mức tương ứng 2.40% và 2.50%. Mức tăng này giảm đáng kể so với tháng 4 và tháng 5 khi hai kỳ hạn này tăng tương ứng từ 0.2% đến 0.41%. Tuy nhiên, mặt bằng lãi suất nhìn chung đã tăng nhiều so với mặt bằng lãi suất vào cuối năm 2021 khi các kỳ hạn này chỉ ở mức 0.83% và 0.94%. Các kỳ hạn dài có phản ứng chậm nhưng đã mạnh hơn trong hai tháng 5 và 6. Lãi suất VGB 10 năm tăng 0.12% lên mức 3.37% (+1.2% so với cuối năm 2021). VGB 15 năm cũng có mức tăng tương tự lên mức 3.59% trong tháng 6/2022.

Kế hoạch phát hành TPCP cho cả năm 2022 là 400 nghìn tỷ đồng. Trong đó, kế hoạch phát hành cho quý 2/2022 là 120 nghìn tỷ đồng, tập trung vào kỳ hạn 10 và 15 năm.

KBNN đã tổ chức 15 đợt đấu thầu TPCP trong tháng 6 và 88 đợt tính từ đầu năm 2022 với khối lượng phát hành tương ứng 15.27 và 69.09 nghìn tỷ. Trong khi đó, khối lượng gọi thầu tương ứng là 22.5 và 136 nghìn tỷ đồng. Tỷ lệ trúng thầu tương ứng 67.8% và 50.8%, tăng đáng kể so với mức gần 43% của tháng 05/2022 nhưng vẫn thấp hơn mức trung bình 72.9% của cả năm 2021. Với việc điều chỉnh lượng gọi thầu cho mỗi đợt đấu thầu và liên tục từ chối tăng lãi suất, KBNN đang cho thấy họ không gặp nhiều áp lực trong việc phát hành. Từ tháng 5/2022, KBNN cho phép lãi suất TPCP sơ cấp tăng khoảng 0.03-0.06% sau mỗi đợt phát hành, giúp tỷ lệ trúng thầu cải thiện đáng kể. Tỷ lệ trúng thầu cho kỳ hạn 10 và 15 năm tăng lên mức 42% và 53% so với mức 23-26% trong quý 1, nhưng vẫn cách rất xa so với mức 84% và 71% trong năm 2021. Nhìn chung lãi suất cung-cầu trên thị trường sơ cấp vẫn chưa gặp nhau và cho thấy thị trường vẫn khá yếu. Với bức tranh kinh tế vĩ mô nhìn chung khá tốt, lý do khiến thị trường trái phiếu không tốt hiện xuất phát từ quan ngại đối với xu hướng lạm phát, áp lực từ tỷ giá chung toàn cầu, sự gián đoạn trong thanh khoản từ thị trường trái phiếu doanh nghiệp và lãi suất huy động tăng. Tính đến cuối tháng 6, KBNN chỉ mới phát hành được 17% tổng lượng TPCP dự kiến phát hành trong năm 2022.

Trên thị trường thứ cấp, tổng lượng TPCP được giao dịch thỏa thuận là 97.7 nghìn tỷ đồng (tăng 28% so với tháng trước) và 61 nghìn tỷ đồng giao dịch qua hợp đồng repo (giảm 9% so với tháng trước). Giá trị giao dịch bình quân theo ngày của giao dịch thỏa thuận là 4.44 nghìn tỷ/ ngày, tăng 28% so với mức trung bình của tháng trước. Kỳ hạn được giao dịch phổ biến đối với giao dịch thỏa thuận là 5 đến 10 năm với giá trị 62.9 nghìn tỷ, tương đương 61% toàn thị trường.



Theo dữ liệu tổng hợp từ các nguồn HNX và VBMA, trong tháng 6/2022 không có đợt trái phiếu doanh nghiệp (TPDN) nào được phát hành ra công chúng, 1 đợt phát hành trái phiếu quốc tế và 44 đợt phát hành riêng lẻ. Tổng giá trị phát hành trong tháng là 32.8 nghìn tỷ đồng (tăng 36% so với tháng trước). Đây là tín hiệu đáng mừng so với bức tranh ảm đạm trong tháng 4 khi chỉ có 16.5 nghìn tỷ tương ứng với 24 đợt phát hành riêng lẻ được phát hành được báo cáo vào cuối tháng. Tuy nhiên, không có sự đa dạng về đối tượng phát hành khi ngân hàng chiếm đến 89% tổng giá trị phát hành. Tỷ trọng tổ chức phát hành là công ty bất động sản tăng lên 4% so với mức 0% trong tháng 4/2022 và 28% trong tháng 5/2022. Dịch vụ lưu trú, tài chính và các ngành khác chiếm 7% còn lại. Kỳ hạn 3 là các kỳ hạn được lựa chọn trong tháng 6. Kỳ hạn trung bình giảm đáng kể, xuống mức 3.87 so với 5.24 năm 5/2022. Tác động từ sự kiện trái phiếu Tân Hoàng Minh đang dần lắng dịu so với tháng trước.

Tính từ đầu năm, có tổng cộng 259 TPDN được phát hành với tổng giá trị 180 nghìn tỷ đồng. Trong đó, 241 TPDN phát hành thông qua hình thức riêng lẻ, với giá trị 156 nghìn tỷ chiếm 87% tổng lượng TPDN được phát hành; 17 TPDN phát hành thông qua chào bán ra công chúng với tổng giá trị 8.99 nghìn tỷ, chiếm 5% tổng lượng TPDN được phát hành; 2 TPDN quốc tế do tập đoàn Vingroup phát hành với tổng giá trị 625 triệu USD, tương đương 8% tổng lượng TPDN được phát hành.

Chart

Description automatically generated

**IV. Chi tiết các chỉ tiêu hoạt động của quỹ**:

**4.1 Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Chỉ tiêu | 1 năm đến thời điểm báo cáo (%) | 3 năm gần nhất tính đến thời điểm báo cáo (%) | Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%) |
| A | 1 | 2 | 3 |
| Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ | 8.42% | 25.01% | 87.70% |
| Tăng trưởng Vốn/1 đơn vị CCQ | -0.92% | -0.85% | 43.31% |
| Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ | 7.50% | 24.15% | 131.01% |
| Tăng trưởng hàng năm(%)/1 đơn vị CCQ | 7.50% | 7.48% | 9.97% |
| Tăng trưởng của danh mục cơ cấu | Không có | Không có | Không có |
| Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị CCQ | Không có | Không có | Không có |

Biểu đồ tăng trưởng hàng tháng của Quỹ trong 3 năm gần nhất



● Thay đổi giá trị tài sản ròng.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Chỉ tiêu | **30/06/22** | **31/03/22** | Tỷ lệ thay đổi |
| A | 1 | 2 | 3=((1)-(2))/(2) |
| Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ | 814,536,621,585 | 849,594,844,142 | -4.13% |
| Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ | 23,101.37 | 22,646.60 | 2.01% |

Kèm theo thuyết minh về sự tăng giảm quy mô Quỹ, giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị chứng chỉ quỹ và chỉ rõ nguyên nhân:

Tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2022, giá trị tài sản ròng của đơn vị quỹ DCBF (NAV/CCQ) ở mức 23,101.37 đồng, tăng 0.61% trong tháng 6 và tăng 3.69% so với cuối năm 2021. Mức tăng trưởng trong tháng 06/2022 và lũy kế sáu tháng đầu năm của quỹ DCBF tốt hơn so với chỉ số tham chiếu nội bộ (Chỉ số tổng thu nhập TPCP kỳ hạn 3 năm do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội công bố), giảm 0.20% và 3.15% cùng kỳ tương ứng. Tháng 06/2022, DCBF phát hành 0.56 triệu chứng chỉ quỹ (CCQ) mới với giá trị 12.92 tỷ đồng và mua lại 1.03 triệu đơn vị với giá trị 23.79 tỷ đồng, như vậy giá trị mua lại chứng chỉ quỹ ròng tương ứng 10.87 tỷ đồng. Lũy kế sáu tháng đầu năm 2022, quỹ mua lại ròng 1.91 triệu CCQ với giá trị mua lại ròng là 44.5 tỷ đồng. Tổng giá trị tài sản ròng và tổng tài sản của quỹ tại thời điểm 30/06/2022 tương ứng là 814.54 và 821.86 tỷ đồng.

Tại thời điểm 30/06/2022, khoản đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp (TPDN) chiếm tỷ trọng nhiều nhất danh mục quỹ DCBF (79.6% so với 78.6% thời điểm cuối tháng 05/2022), tiếp đến là khoản đầu tư vào chứng chỉ tiền gửi (CCTG) (13.9% so với 14.6% thời điểm cuối tháng 05/2022) và khoản tiền mặt và tiền gửi ngân hàng (tổng là 6.5% so với 6.8% thời điểm cuối tháng 05/2022). Trong tháng 6 DCBF thực hiện một số giao dịch mua và bán liên quan đến trái phiếu doanh nghiệp niêm yết và ngoài ra mua thêm trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết khác để thay khoản đầu tư trái phiếu đáo hạn vào cuối tháng 6. Nhằm duy trì thanh khoản và lợi suất danh mục tài sản ở mức tương đối tốt, quỹ DCBF tiếp tục duy trì tỷ trọng đầu tư lớn vào trái phiếu doanh nghiệp tốt có mức thanh khoản cao.

**4.2. Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ quỹ tại thời điểm báo cáo (tại thời điểm gần nhất):**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Quy mô nắm giữ (Đơn vị) | Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ | Số lượng đơn vị Chứng chỉ quỹ nắm giữ | Tỷ lệ nắm giữ |
| A | 1 | 2 | 3 |
| Dưới 5000 | 7,189 | 1,572,673.43 | 4.46% |
| Từ 5000 - 10,000 | 78 | 575,552.57 | 1.63% |
| Từ 10,000 đến 50,000 | 148 | 3,747,948.55 | 10.63% |
| Từ 50,000 đến 500,000 | 79 | 10,680,396.61 | 30.29% |
| Trên 500,000 | 5 | 18,682,653.36 | 52.99% |
| **Tổng cộng** | 7,499 | 35,259,224.52 | **100** |

*Ghi chú: Trình bày tình hình nắm giữ Chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư từ ít nhất đến nhiều nhất,*

**5,** **Chi phí ngầm và giảm giá**

Không có

**V. Thông tin về triển vọng thị trường :**

Thị trường TPCP có xu hướng tăng lãi suất.

Thanh khoản thị trường TPCP tiếp tục được duy trì tốt.

Giao dịch tập trung vào TPCP kỳ hạn 10 và 15 năm.

Cầu đối với TPDN rất cao.

**VI. Thông tin khác**

Thông tin về từng nhân sự điều hành quỹ, Ban đại diện quỹ, và Ban điều hành Công ty quản lý Quỹ

Thông tin gồm:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Tên | Chức vụ | Bằng cấp | Quá trình công tác |
| Nhân sự điều hành Quỹ DCBF | Lương Thị Mỹ Hạnh | Giám đốc quản lý tài sản , khối trong nước | Thạc sỹ Kinh tế | -Từ 2010 đến 12/03/2021: Phó tổng giám đốc – Khối đầu tư nghiên cứu Công ty CP quản lý quỹ đầu tư Việt Nam.  -Từ 12/03/2021 đến nay là Giám đốc Quản lý tài sản, khối trong nước Công ty Cổ Phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam |
| Trần Lê Minh | Giám đốc chi nhánh Hà Nội | Thạc sỹ Quản trị Tài chính | Từ 2011 đến 12/03/2021: Phó Tổng giám đốc – Giám đốc chi nhánh Hà Nội – công ty CP quản lý quỹ đầu tư Việt Nam.  -Từ 12/03/2021 đến nay Giám đốc chi nhánh Hà Nội - Công ty Cổ Phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam |
|  | | | | |
| Ban đại diện Quỹ | Nguyễn Bội Hồng Lê | Chủ tịch | Thạc sỹ Quản trị kinh doanh | * Từ 2010 đến 2012: Trưởng phòng giao dịch chứng khoán công ty CP chứng khoán dầu khí * Từ 2012 đến nay: Chuyên gia Kinh tế và Quản lý dầu khí Viện Dầu khí Việt Nam |
| Lê Thị Thu Hương | Thành viên | Cử nhân Kế toán – Kiểm toán | * Từ 2011 đến 2012: Phó giám đốc công ty TNHH kiểm toán AS   Từ 2012 đến 2020: Phó Tổng giám đốc công ty TNHH kiểm toán Đại Tín.  Từ 2020 đến nay:  Sáng lập viên & Giám đốc Công ty TNHH kiểm toán Chuẩn Vàng. |
| Phạm Thị Thanh Thúy | Thành viên | Luật Sư | * Từ 2010 đến 01/01/2021: Trưởng phòng Pháp chế tuân thủ * Từ 01/01/2021: đến nay là luật sư tư vấn nội bộ Công ty Cổ Phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam. |
|  | | | | |
| Ban điều hành Công ty Quản lý quỹ | Ông Beat Schurch | Tổng Giám đốc | Thạc sỹ kinh tế | * Từ 30/12/2020 đến nay: Tổng giám đốc Công ty Cổ Phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam |
|  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| *Tp HCM, ngày 19 tháng 07 năm 2022* Giám đốc điều hành Nghiệp vụ hỗ trợ đầu tư  ***Nguyễn Minh Đăng Khánh*** |  |